

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0173014 - Đồ án Thiết kế Cầu
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Việt	Tài	3371010411	29/10/1990		7,00	7,00	
2	Nguyễn Đức	Hải	3471010111	17/05/1992		5,00	5,00	
3	Ngô Xuân	Hữu	3471010158	15/08/1992		5,00	5,00	
4	Lê Trọng	Nghĩa	3471010221	01/06/1992		,00	,00	
5	Lê Kim Thành	Tú	3471010384	22/02/1992		,00	,00	
6	Nguyễn Thành	Duy	3571010001	10/09/1993		7,00	7,00	
7	Nguyễn Văn	Phồn	3571010003	10/04/1993		5,00	5,00	Nợ HP
8	Nguyễn Thanh	Hải	3571010010	23/03/1993		8,00	8,00	
9	Nguyễn Tuấn	Huy	3571010016	04/01/1992		5,00	5,00	
10	Nguyễn Mạnh	Hùng	3571010019	24/04/1993		5,00	5,00	
11	Trần Nguyễn	Nghĩa	3571010020	20/04/1993		7,00	7,00	
12	Nguyễn Đình	Chánh	3571010021	10/05/1993		7,00	7,00	
13	Lê Khắc	Hoàng	3571010025	04/12/1993		6,00	6,00	Nợ HP
14	Nguyễn Thanh	Hùng	3571010031	07/06/1993		7,00	7,00	
15	Dương Minh	Hào	3571010042	19/02/1992		5,00	5,00	Nợ HP
16	Phan Thế	Phong	3571010044	18/04/1993		6,00	6,00	
17	Nguyễn Văn	Đức	3571010088	02/09/1991		7,00	7,00	Nợ HP
18	Trần Lữ	Phát	3571010111	10/03/1993		3,00	3,00	Nợ HP
19	Phạm Thị	Yến	3571010133	04/10/1993		8,00	8,00	
20	Phan Từ	Nhàn	3571010209	24/02/1993		,00	,00	Nợ HP
21	Lê Ngọc	Vũ	3571010211	18/11/1993		5,00	5,00	
22	Trần Công	Thích	3571010212	03/08/1993		6,00	6,00	
23	Nguyễn Trọng	Dương	3571010213	09/05/1992		7,00	7,00	
24	Phan Quốc	Cường	3571010214	01/02/1993		7,00	7,00	
25	Trần Đức	Thới	3571010215	20/01/1992		7,00	7,00	
26	Nguyễn Văn	Phượng	3571010217	19/01/1993		8,00	8,00	
27	Trần Anh	Khoa	3571010218	09/08/1993		7,00	7,00	
28	Nguyễn Hữu Tường	Lâm	3571010219	15/06/1993		6,00	6,00	
29	Lê Xuân	Long	3571010220	02/09/1991		7,00	7,00	
30	Phạm Xuân	Đông	3571010221	06/01/1993		5,00	5,00	
31	Lê Tấn	Sương	3571010222	12/05/1993		3,00	3,00	Nợ HP
32	Nguyễn Trí	Nam	3571010224	12/06/1993		3,00	3,00	
33	Ngô Minh	Tần	3571010225	21/10/1993		5,00	5,00	Nợ HP
34	Ngô Tiến	Điệp	3571010228	26/03/1993		3,00	3,00	
35	Nguyễn Phúc Lâm	Viên	3571010229	31/01/1993		6,00	6,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Lê Tấn	Phuong	3571010230	17/10/1992		8,00	8,00	
37	Nguyễn Thị Đồng	Thuận	3571010233	01/06/1993		7,00	7,00	
38	Trần Quang	Tân	3571010234	07/12/1993		8,00	8,00	
39	Trương Minh	Vương	3571010235	02/12/1993		5,00	5,00	
40	Phạm Tấn	Thịnh	3571010237	20/10/1993		7,00	7,00	
41	Phạm Văn	Đức	3571010238	24/01/1992		6,00	6,00	
42	Võ Chiến	Thắng	3571010239	01/08/1993		5,00	5,00	
43	Nguyễn Huy	Hải	3571010251	28/07/1993		,00	,00	Nợ HP
44	Nguyễn Ngọc	Khương	3571010252	09/01/1992		6,00	6,00	
45	Trần Hoàng	Thiện	3571010254	01/12/1992		7,00	7,00	
46	Trần Thanh	Tùng	3571010255	11/01/1993		8,00	8,00	
47	Phùng Thị Kim	Chi	3571010257	17/09/1993		8,00	8,00	Nợ HP
48	Phan Văn	Tuệ	3571010275	24/04/1993		5,00	5,00	
49	Phùng Văn	Đạt	3571010587	19/09/1993		5,00	5,00	Nợ HP
50	Nguyễn Ngọc	Tuấn	3571010610	11/11/1993		7,00	7,00	
51	Nguyễn Hồng	Son	3571010643	02/10/1993		5,00	5,00	Nợ HP
52	Vũ	Hoàng	3571010644	20/09/1993		6,00	6,00	
53	Nguyễn Ngọc	Nhật	3571010645	21/09/1993		7,00	7,00	
54	Trần Trung	Nhật	3571010647	20/10/1993		8,00	8,00	
55	Nguyễn Văn	Chiến	3571010650	25/01/1991		6,00	6,00	
56	Nguyễn	Hưng	3571010651	25/05/1993		7,00	7,00	
57	Lê Việt	Dũng	3571010654	17/07/1992		6,00	6,00	
58	Nguyễn Hoàng Vũ	Kha	3571010656	31/08/1993		7,00	7,00	
59	Trần Văn	Tân	3571010657	08/08/1993		6,00	6,00	Nợ HP
60	Lê Minh	Vương	3571010659	10/04/1992		6,00	6,00	
61	Bùi Thanh	Văn	3571010660	15/01/1993		6,00	6,00	
62	Hồ Quốc	Phuong	3571010668	20/09/1993		7,00	7,00	
63	Dư Thanh	Kha	3571010680	20/01/1993		6,00	6,00	
64	Đoàn Hữu	Hiệp	3571010682	18/07/1993		6,00	6,00	
65	Lê Tấn	Đạt	3571010687	03/03/1993		7,00	7,00	
66	Nguyễn Khánh	Bình	3571010690	08/12/1993		8,00	8,00	
67	Phạm Minh	Tân	3571010738	27/07/1993		8,00	8,00	
68	Lê Đắc	Cường	3571010741	27/07/1992		7,00	7,00	
69	Lê Ngọc	Vương	3571010746	20/12/1993		8,00	8,00	
70	Đào Phú	Hiệp	3571010748	11/03/1993		7,00	7,00	
71	Trần Hồ Trọng	Kha	3571010750	01/10/1993		6,00	6,00	
72	Lê Xuân	Nguyên	3571010751	12/11/1993		5,00	5,00	Nợ HP
73	Lê Hoài	Nam	3571010754	07/04/1993		7,00	7,00	
74	Đỗ Thanh	Việt	3571010757	20/01/1992		4,00	4,00	Nợ HP
75	Nguyễn Tấn	Tài	3571010758	01/09/1993		7,00	7,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Phạm Tấn	Lộc	3571010762	28/06/1993		7,00	7,00	
77	Kiều Thiết	Tường	3571010766	14/10/1993		7,00	7,00	
78	Nguyễn Minh	Cảnh	3571010767	06/11/1993		7,00	7,00	
79	Nguyễn Văn	Hoàng	3571010769	06/11/1993		4,00	4,00	
80	Nguyễn Phước	Hùng	3571010773	29/12/1993		4,00	4,00	
81	Đặng Phú	Hạnh	3571010775	09/12/1992		8,00	8,00	
82	Lê Hồng	Cương	3571010779	29/03/1992		6,00	6,00	
83	Đỗ Tiến	Thành	3571010781	16/04/1992		6,00	6,00	Nợ HP
84	Phạm Việt	Đức	3571010783	24/08/1993		7,00	7,00	
85	Nguyễn Ngọc	Quân	3571010785	14/04/1993		5,00	5,00	
86	Nguyễn Hữu	Hưng	3571010788	29/06/1993		,00	,00	Nợ HP
87	Trần Mạnh	Thắng	3571010789	08/12/1992		3,00	3,00	Nợ HP
88	Dương Thành	Tâm	3571010793	18/11/1993		8,00	8,00	
89	Lê Xuân	Thành	3571011158	30/04/1992		6,00	6,00	
90	Vũ Đức	Đạo	3571011174	19/06/1993		6,00	6,00	
91	Nguyễn Tiến	Hùng	3571011817	01/01/1993		8,00	8,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)